

## TÌM HIỂU SỰ TIẾP NHẬN TƯ TƯỞNG MÁC XIT VỀ TÔN GIÁO CỦA NGUYỄN AN NINH QUA TÁC PHẨM *PHÊ BÌNH PHẬT GIÁO*

ĐỖ THỊ HOÀ HỚI<sup>(\*)</sup>

**D**ể góp phần thúc đẩy việc nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam trong thời kì đổi mới dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong bài viết này chúng tôi tập trung tìm hiểu sự tiếp nhận sáng tạo tư tưởng mácxít về tôn giáo thể hiện ở Nguyễn An Ninh qua tác phẩm *Phê bình Phật giáo* nhân kỉ niệm 60 năm ngày mất của Nguyễn An Ninh - nhà trí thức yêu nước có nhiều đóng góp cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin ở Việt Nam.

Về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm  
*Phê bình Phật giáo*<sup>(1)</sup>

Đầu thế kỉ XX, dưới sự thống trị của thực dân Pháp, Việt Nam chịu nhiều thay đổi lớn trong đời sống kinh tế - chính trị - xã hội - tư tưởng. Đời sống tôn giáo cũng có nhiều biến động. Trong các tôn giáo truyền thống có hiện tượng suy thoái. Trước làn sóng tân thư, tân văn và các ảnh hưởng của tư tưởng phương Tây đã làm xuất hiện yêu cầu đổi mới tư tưởng truyền thống và tôn giáo truyền thống. Nhiều tôn giáo mới

xuất hiện như đạo Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo. Thêm vào đó những năm 20-30 phong trào Phục hưng Phật giáo ở Trung Quốc tác động nhiều đến Việt Nam. Vào những năm 30 của thế kỉ XX đã xuất hiện nhiều nhóm Chấn hưng Phật giáo khác nhau ở cả ba kì. Trong số họ có sự khác biệt về động cơ, mục đích và hành động. Một số người có tinh thần dân tộc, hi vọng ở sự “chỉnh đốn Phật giáo trong nước” để bồi đắp lại nền tảng đạo đức truyền thống đang bị sa sút. Họ yêu cầu đổi mới Phật giáo cho phù hợp với tiến hoá của xã hội, nhưng thực dân Pháp và chính quyền phong kiến tay sai không chấp nhận, vì chúng lo sợ từ những yêu sách cải cách đó sẽ dẫn tới khuynh hướng vận động yêu nước. Về sau chúng lại ra sức tuyên truyền tìm mọi cách để lợi dụng các tôn giáo mới, khống chế phong trào Chấn hưng Phật giáo, tìm người có xu hướng “giữ gìn chế độ cũ kĩ đồ

\*. TS, Khoa Triết học, Đại học KHXH&NV Hà Nội.  
1. Xin xem: *Phê bình Phật giáo*, Đông phương thư xã xuất bản, Sài Gòn 1938 và được in lại trong sách Nguyễn An Ninh do Nguyễn An Tịnh soạn, Nxb. Trẻ, 1994.

nát” tham gia vào các hoạt động này. Tuy không phải lúc nào chúng cũng không chế được, song tác hại của âm mưu lợi dụng tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng để cản trở sự phát triển của phong trào cách mạng là một thực tế. Trong khoảng thời gian những năm 30, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã anh dũng phát động phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh 1930-1931 và tiếp theo phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương 1936-1939 và đều bị đàn áp khốc liệt. Hoạ phát xít đang đến gần, nhân dân bị nghèo đói, bệnh tật, chiến tranh, thất học, họ tìm đến với tôn giáo, trong đó có Phật giáo. Trước thực tiễn ấy chí sĩ Nguyễn An Ninh một lãnh tụ nổi tiếng của phong trào khuyh tả ở Sài Gòn, vốn có cảm tình với chủ nghĩa Cộng sản để mạnh dạn vận dụng phương pháp mácxít vào địa hạt nghiên cứu tôn giáo. Trong các tác phẩm như thế của ông, có cuốn *Phê bình Phật giáo* viết vào năm 1937, xuất bản năm 1938, một cuốn sách về khách quan góp phần đấu tranh về tư tưởng cho trận tuyến vận động quần chúng của Đảng ta. Mục đích viết *Phê bình Phật giáo* của ông là:

1. “So sánh Phật giáo với thời đại của nó để chỉ chỗ hay, chỗ đúng hơn của nó đối với các lí thuyết khác.

2. So sánh Phật giáo với thời đại này để chỉ chỗ sai lầm của nó”<sup>(2)</sup>.

Tuy nhiên, trong điều kiện đổi mới của hôm nay đọc lại *Phê bình*

*Phật giáo* chúng ta thấy rằng nổi bật và xuyên suốt trong toàn bộ tác phẩm là các quan điểm mácxít về tôn giáo mà Nguyễn An Ninh đã khéo sử dụng con đường tranh luận công khai đang được phong trào Chấn hưng Phật giáo khởi xướng để tuyên truyền quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và đây mới là mục tiêu chính của ông. Sau đây chúng tôi sẽ lần lượt phân tích một số nội dung quan trọng trong tác phẩm *Phê bình Phật giáo* của Nguyễn An Ninh để qua đó thấy được sự tiếp nhận và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn Việt Nam ở nhà cách mạng này.

#### Về tác phẩm *Phê bình Phật giáo*

Trước hết phải nói ngay rằng tác phẩm *Phê bình Phật giáo* là sự tiếp nối các quan điểm tôn giáo học mácxít trong tác phẩm *Tôn giáo* của ông xuất bản trước đó, vào năm 1932.

Nguyễn An Ninh tiếp nhận tư tưởng của Các Mác khi lí giải về những nguồn gốc, căn nguyên làm xuất hiện tôn giáo, trong đó ông tập trung làm rõ nguồn gốc xã hội của sự ra đời Phật giáo: “Xã hội Ấn Độ lúc ấy (mà vẫn đến ngày nay cũng có dấu tích) phân chia ra 4 đẳng cấp... Tôi đã có dịp nói tới trong quyển *Tôn giáo* xuất bản năm 1932... Đã vậy, Ấn Độ lại bị xâm lược nhiều phen... tại xứ sinh đẻ của Thích Ca mùa màng đặng thất không chừng,

2. *Phê bình Phật giáo*. Sđd., tr. 381.

ruộng lúa, vườn đậu lắm khi hạn hán trở thành đất hoang. Cho đến ngày nay sự sống khổ của dân đen bên Ấn Độ, chắc cũng không có xứ nào bằng”<sup>(3)</sup>.

Nguyễn An Ninh cho rằng Phật giáo là một triết lí khẳng định “sống là khổ” và lí giải nguồn gốc của quan niệm “khổ” đó.

“Nói đến sống khổ, ta nhớ lại Phật phát sinh năm trăm năm trước đạo Gia tô...”<sup>(4)</sup> và ông khẳng định tại Việt Nam các nguồn gốc xã hội tương tự Ấn Độ còn tồn tại cho đến lúc đó. Hơn thế, dưới chế độ của thực dân phong kiến nhân dân Việt Nam còn bị nhiều nỗi khổ đè nặng, đó là nguồn gốc làm nảy sinh nhu cầu tôn giáo, “nên chi Phật giáo còn là nơi họ tìm đến”.

“Phật giáo ngày nay tôi đã có dịp nói đến nó là một cái nhà thương để chứa cả trăm ngàn thứ người bệnh, vì khổ với sự sống...”<sup>(5)</sup>.

Quan điểm mácxít về tôn giáo cho rằng ngoài các nguồn gốc xã hội có nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc tâm lí.

Một trong những nguồn gốc dẫn đến tôn giáo là do đặc điểm của quá trình nhận thức của con người đi từ trực quan cảm tính đến tư duy trừu tượng. Khi tư duy con người trong quá trình nhận thức sáng tạo đó tạo ra những khả năng xuất hiện các quan niệm duy tâm siêu hình, xa rời cơ sở hiện thực, đây chính là quá

trình tuyệt đối hoá, cường điệu hoá mặt chủ thể của con người hay hình thức chủ quan của nó, biến nó thành quan niệm trừu tượng thuần túy không còn dính với nội dung khách quan, không còn nội dung hiện thực, rời khỏi cơ sở thế gian. Nguyễn An Ninh đã tập trung nội dung chính của tác phẩm là đứng vững trên quan điểm khách quan khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để vạch chỉ ra được ranh giới giữa cái hợp lí và cái sai lầm trong nội dung giáo lí căn bản của Phật giáo, chỉ ra một trong những nguồn gốc nhận thức sai lầm hình thành nên Phật giáo chính là các quan điểm bản thể luận, nhận thức luận duy tâm. Ông đã vận dụng hết sức sáng tạo quan điểm tôn giáo học mácxít để soi sáng thực tiễn đời sống tôn giáo Việt Nam lúc đó nhằm hướng nhân dân vào con đường hành động cứu nước thiết thực.

Chính nhờ có phương pháp duy vật biện chứng mà ông chỉ ra được sự khác biệt của Phật giáo so với các tôn giáo khác.

Nguyễn An Ninh cũng nhìn nhận rằng “Đạo Phật là một phương châm cứu khổ. Kinh Phật kêu nó là con đường dẫn đến chỗ hết khổ (chữ “Đạo” chính nó là đường)”<sup>(6)</sup>.

3. Phê bình Phật giáo. Sđd. , tr. 383.

4. Phê bình Phật giáo. Sđd. , tr. 382.

5. Phê bình Phật giáo, Sđd. , tr. 380.

6. Phê bình Phật giáo, Sđd. , tr. 381.

“Đạo Phật nghịch hẳn với tục cúng tế, với những ông thầy dùng bùa phép để gạ người, nghịch hẳn với những kẻ ép xác mong luyện được phép màu nhiệm. Nghịch hẳn với bọn Brahma tin rằng xuống sông rửa tội là hết tội, (ông hài hước nói rằng: Phật giáo nói như thế thì rửa, ếch, rắn nước, cá nước... đều được lên trời vì chúng nó sạch hơn mấy anh Brahma)”<sup>(7)</sup>.

“Đạo Phật không phải là dị đoan, không phải là tôn giáo để xúi con người tin nơi thần thánh... Đạo Phật là một triết lí khẳng định đời là bể khổ, rồi dùng một phương pháp duy tâm chỉ cách cho con người tự tu luyện cho đến khi cảnh ngoại không làm động được tâm trí, đời không làm khổ mình được nữa”<sup>(8)</sup>.

Ông chỉ ra vì Phật giáo là duy tâm nên phương pháp của Đức Phật không thể cứu khổ được cho con người. So với các ý kiến phê bình Phật giáo đương thời, Nguyễn An Ninh đánh giá một cách khách quan khi xem xét Phật giáo ở vào một điều kiện lịch sử cụ thể, khi mà xã hội còn thấp kém, triết học còn mắc trong vòng duy tâm siêu hình, Phật giáo là duy tâm là điều không thể tránh khỏi. Ông viết: “Vào khoảng 500 năm trước khi Giê-su sinh ra là lúc triết học còn mắc sâu trong vòng siêu hình học, thì ta không thể trách Phật Thích Ca sao muốn cứu khổ cho loài người lại bày chi cái phương pháp duy tâm cá nhân vô hiệu quả, để lầm lạc con người”<sup>(9)</sup>.

Một trong những nội dung chính của tác phẩm này là Nguyễn An Ninh đã đi sâu vào phân tích các “điểm hợp lí” trong vũ trụ quan và nhân sinh quan Phật giáo, đồng thời chỉ ra lập trường duy tâm sai lầm của Phật giáo về các vấn đề cơ bản đó.

Ông viết: “Đạo Phật nhìn vạn vật biến đổi mãi không bao giờ ngừng, không bao giờ tĩnh”. Biến đổi không ngừng, vô cùng, đi ngay trên một đường thẳng không trở lại. Đối với vạn vật trong vũ trụ hay đối với tâm người, đạo Phật thường lấy gương con sông chảy, chảy mãi, khác mãi, nước không bao giờ trở lại nguồn. Ông đánh giá cao cách nhìn vạn vật biến thiên, không ngừng vận động đó: “Vạn vật biến đổi mãi, cái thân ta là một vật trong vạn vật cũng biến đổi mãi, khi mạnh khi đau. Cho đến cái bàn kia, coi như không biến đổi, nhưng thật lâu ngày nó cũng mục nát đi rồi tiêu ra tro bụi. Mỗi sự vật trong vũ trụ đều là kết quả của nguyên nhân trước và là nguyên nhân của kết quả về sau, nối đuôi nhau như những vòng của sợi dây xiềng vô cùng vô tận, một sợi dây không biết khởi đầu từ đâu”<sup>(10)</sup>.

Nhưng ông chỉ ra rằng, từ những quan niệm đó Phật giáo lại đi đến sự tuyệt đối hoá một cách duy tâm, học thuyết này, “dùng thuyết biến chuyển

7. Phê bình Phật giáo, Sđd. , tr. 381.

8. Phê bình Phật giáo, Sđd. , tr. 381.

9. Phê bình Phật giáo, Sđd. , tr. 382.

10. Phê bình Phật giáo, Sđd. , tr. 383.

không ngớt ấy, một là để cho tín đồ ghê sợ đường sanh tử vô cùng tiêu đi sinh lại mãi mãi, mà gồm ghê, dặng đem lòng muốn thoát khỏi cái kiếp sống ở đời, hai là để chỉ rằng mỗi vật đều biến đổi, nên không muốn cho mình ham muốn nó, đeo đuổi nó, vì nó mà khổ<sup>(11)</sup>.

Lí luận “vô thường” của Phật giáo chỉ thấy vạn vật biến đổi và đã tuyệt đối hoá sự biến thiên ấy, coi nó là nguyên nhân sinh ra mâu thuẫn để làm khổ con người, đó là một sai lầm của nhận thức luận duy tâm Phật giáo. Ông viết: “Vì đứng về chủ quan cho nên Phật sợ mâu thuẫn mà không thấy nó là điều kiện cần thiết cho sinh tồn, tiến triển của vũ trụ và xã hội loài người”<sup>(12)</sup>.

Kế thừa có phê phán quan điểm biện chứng duy tâm, Nguyễn An Ninh đưa ra quan điểm duy vật biện chứng: “Phái duy vật biện chứng không cho sự mâu thuẫn là một sự rủi, một đau khổ, mà trái lại cho nó là điều kiện cần thiết giúp cho con người có hi vọng về sau. Mỗi hiện tượng đều sinh ra mâu thuẫn để rồi phá nó, hoà với nó mà đưa lên một trình độ cao”<sup>(13)</sup>. Vì thế phái duy vật biện chứng khắc phục chỗ duy tâm của đạo Phật ở chỗ: “Phái duy vật không kiếm phương châm đem mình ra khỏi sự biến thiên của vạn vật như Phật giáo. Trái lại họ ở trong sự biến thiên đó, hiểu nó và dùng cả tâm trí để đưa nó mau tiến tới một trình độ cao hơn”<sup>(14)</sup>.

Đương thời có nhiều ý kiến phê bình chỉ ra mặt trái biểu hiện ở bên ngoài của Phật giáo, còn Nguyễn An Ninh đã có sự đi sâu nghiên cứu nội dung tư tưởng bên trong của phong trào Chấn hưng Phật giáo, chỉ ra sự mạo danh khoa học để biện hộ cho Phật giáo.

Nguyễn An Ninh dùng kiến thức khoa học để minh chứng cho quan điểm duy vật biện chứng Ông dẫn ý kiến của Ăngghen nói về những chủng loài sống mà thân thể do vô số tế bào hợp thành, rằng “mỗi con vật trong mỗi giây phút, tiêu hoá bao nhiêu vật ở ngoài đem vào sinh ra nhiều chất khác, trong mỗi giây phút, nhiều tế bào trong mình nó chết đi và nhiều tế bào khác sinh ra, luôn luôn như vậy... Nếu như vậy thì sự sống, cũng như các hiện tượng khác cũng là một sự mâu thuẫn xảy ra ở bên trong của sự vật, của các hiện tượng, một mâu thuẫn luôn luôn tự mình lập ra rồi tự mình giải quyết lấy; bao giờ sự mâu thuẫn ấy hết thì sự sống cũng hết, sự chết đến”<sup>(15)</sup>.

Ông nói rằng phải nhìn sự vận động biến thiên như nó vốn có. “Lênin so sánh sự biến hoá của vũ trụ như cái khu ốc xây tròn nhưng tiến lên mãi”<sup>(16)</sup>.

11. Phê bình Phật giáo, Sđd. , tr. 383.

12. Phê bình Phật giáo, Sđd. , tr. 384.

13. Phê bình Phật giáo, Sđd. , tr. 384.

14. Phê bình Phật giáo, Sđd. , tr. 384.

15. Phê bình Phật giáo, Sđd. , tr. 384.

16. Phê bình Phật giáo, Sđd. , tr. 384.

“Đời xưa, người ta thường xem xét từng sự vật, chứ không xem xét sự liên quan của vạn vật. Xem xét sự vật yên lặng, chứ không xem xét sự biến đổi của nó”<sup>(17)</sup>. Theo ông, tư tưởng Phật giáo có nhiều điểm hợp lí song không thể là khí cụ dùng để nghiên cứu vạn vật biến thiên. Từ đây ông rút ra nhận xét rằng: Những thuyết cứu khổ nào đem ra từng người, để cứu một cá nhân, đều là thuyết sai, “cứu được người” chỉ trong tưởng tượng mà thôi, vấn đề là phải cải tạo điều kiện sống hiện thực. Do đó, “Phật thất bại là vì lí thuyết của Phật cực kì chủ quan. Thái độ của Phật đối với vạn vật biến thiên chẳng khác nào thái độ của chim đà điểu, thấy nạn đứt đầu vào cánh”<sup>(18)</sup>.

Nguyễn An Ninh không chỉ vạch ra mặt sai lầm của phong trào Chấn hưng Phật giáo, mà còn thừa nhận những cố gắng ở một số người muốn phát huy điểm hợp lí của Phật giáo hơn các tôn giáo khác. Ông vạch ra sự duy tâm của họ khi đặt cơ sở tinh thần dân tộc vào hệ tư tưởng Phật giáo. Ông chỉ ra các hạn chế của Phật giáo là do điều kiện lịch sử quy định, vấn đề là phải cải tạo đời sống hiện thực.

Hiểu sâu giáo lí Phật giáo Duy thức tông đang được coi là cơ sở tư tưởng cho phong trào Chấn hưng Phật giáo, ông viết: “Vì đứng về phương diện chủ quan cho nên Phật bao giờ cũng thấy con người đối với vũ trụ là bị động, chứ không bao giờ

hoạt động. Cái “tâm” không phải chỉ như cái kiếng (gương) để rọi bao nhiêu mâu thuẫn đau khổ của cảnh ngoài. “Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân mình, ý thức” không phải chỉ để giúp cho cái bóng của cảnh ngoài rơi vào tâm một cách rõ rệt. Mà “sáu căn” cũng là khí cụ để cho con người thắng lại vũ trụ, cũng như “sáu trần” có thể không che tối chân tâm, mà trái lại làm sáng tỏ chân tâm. Đối với vũ trụ ta đây là chủ (chủ quan); ta đây cũng là khách (khách quan) mà đứng trong vũ trụ nữa”<sup>(19)</sup>.

Không dừng lại ở đó, bằng phương pháp triết học duy vật biện chứng ông lần lượt phân tích cái được, cái hay và chỉ ra mặt hạn chế duy tâm của các nguyên lí nền tảng của Phật giáo như học thuyết về Nhân - Quả, học thuyết Hữu ngã, Vô ngã, quan niệm Niết Bàn, v.v...<sup>(20)</sup>

Như trên đã nói, tác phẩm *Phê bình Phật giáo* đã nối tiếp quan điểm ở tác phẩm *Tôn giáo* ông viết vào năm 1932. Nhìn từ góc độ lịch sử tư tưởng, ta thấy điểm mới thể hiện trong toàn bộ tác phẩm này của Nguyễn An Ninh là ở chỗ ông đã phân tích rõ nguồn gốc tâm lí làm cơ sở xuất hiện tôn giáo: “Ưu thiện, ghét ác, muốn tìm ra căn nguyên của mọi

17. *Phê bình Phật giáo*, Sdd. , tr. 385.

18. *Phê bình Phật giáo*. Sdd. , tr. 29.

19. *Phê bình Phật giáo*. Sdd. , tr. 388.

20. Trần Văn Giàu. *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỉ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1975, tr. 293-300.

vật muốn sống đời đời. Ba sự cần dùng, ba điều khát khao của nhân loại đó là cơ sở của tôn giáo”<sup>(21)</sup>.

Với cách hiểu duy vật biện chứng ông đã dành nhiều trang trong tác phẩm *Phê bình Phật giáo* phân tích sâu về các nguồn gốc tâm lí, nhận thức tinh thần của Phật giáo.

Rõ ràng Nguyễn An Ninh là một trong những người đầu tiên ở Việt Nam tiếp nhận các quan điểm tôn giáo học mácxít. Ông vận dụng nhiều quan điểm của Ăngghen trong tác phẩm “Chống Duy linh” luận chứng về con đường tự tiêu vong của tôn giáo. Ông cũng chỉ ra quan điểm sai lầm của phái Duy thức tông Phật giáo về vấn đề vũ trụ, Nguyễn An Ninh viết: “Xưa kia nghiên cứu vạn vật, người ta chưa hiểu được bao nhiêu, mới biết được một phần nhỏ nhen của tính chất vạn vật. Rồi người ta chưa thắng nỗi phần chưa biết được đó, không hiểu được nó lại tưởng tượng nó là một thứ vô hình, tưởng tượng nó có thể ở trong mà cũng có thể ở ngoài vật chất; nghĩa là tưởng vạn vật đều có một tinh thần khác với vật chất, mà các nhà triết học (Platon, Kant...) kêu nó là lí trí hoặc kêu nó là vật ở nó”<sup>(22)</sup>. Chỉ ra nguồn gốc nhận thức duy tâm đưa tới tôn giáo, ông viết: “Bao nhiêu hiện tượng lâu nay làm cho ta hiểu lầm rằng ta có một tinh thần không tiêu diệt được, ta làm chủ vật chất, ta ở trong hay ở ngoài vật chất ấy cũng

được”<sup>(23)</sup>. Thực chất không phải thế, cần đảo ngược cơ sở nhận thức đó lại một cách hiện thực “có thể tưởng nghĩ vật chất không tinh thần chứ không bao giờ tưởng có tinh thần mà không có vật chất được”<sup>(24)</sup>.

Ông nói Phật giáo đã có cái nhìn vô thần về tồn tại vũ trụ, đưa ra được tư tưởng vận động biện chứng không ngừng không nghỉ của vạn vật, nhưng cái hạn chế lớn nhất của Phật giáo đó là “Phật tin kiếp luân hồi cứ vậy mãi, không bao giờ có tiến hoá gì, có cải biến chẳng nữa chỉ về hình thức mà thôi”. Sự thực là xã hội ngày nay không ngừng phát triển thay đổi, không chỉ về hình thức mà cả về nội dung, bản chất của nó nữa. Ông viết: “Đối với xã hội phong kiến trong thời đại của Phật thì xã hội ngày nay không phải chỉ khác ở sự tổ chức, không phải chỉ thấy được sức sinh sản cao hơn có thể nuôi no đủ cả thiên hạ. Không phải chỉ thấy được con người sẽ hết hà hiếp, bóc lột người nữa. Mà lại còn có hi vọng sau khi tổ chức lại được hoàn toàn khắp nơi, sẽ thắng chẵn những các bệnh hoạn, mà tới cả sự già, sự chết nữa”<sup>(25)</sup>.

Ông nói: “Sự khổ không phải chỉ nơi đói khát, đau, già, bệnh tật mà thôi. Còn nỗi khổ vì tâm sự, luân lí, vì phong tục, pháp luật, vì không thể

21. Phê bình Phật giáo. Sdd. , tr. 36.

22. Phê bình Phật giáo. Sdd. , tr. 386.

23. Phê bình Phật giáo. Sdd. , tr. 385.

24. Phê bình Phật giáo. Sdd. , tr. 385.

25. Phê bình Phật giáo. Sdd. , tr. 391.

làm theo ý muốn. Lấy con mắt duy vật biện chứng mà xét lịch sử thì sau khi bước qua xã hội chủ nghĩa bao nhiêu mâu thuẫn này nảy sinh ra đều tiêu tan. Và tất nhiên nhiều sự khổ tâm của con người do đó mà tiêu tan theo". Ông kêu gọi "phải xông vào cảnh khổ, dính líu mật thiết với nó để đưa cả chúng sinh mau tiến tới một trình độ cao hơn, bớt khổ đi và phá tan nỗi khổ đi"<sup>(26)</sup>.

Để kết thúc tác phẩm của mình, ông đã trích dịch tư tưởng của Mác trong *Phê phán triết học Pháp quyền của Heghen - Lời nói đầu*.

"Sự khốn khổ của nhân loại lộ ra trong tôn giáo là cái bóng của sự khốn khổ thật trong đời này, mà cũng là sự phản đối cảnh khốn khổ thật ấy... Vì vậy sự phê bình tôn giáo có cái mầm mống của sự phê bình cái thế giới khóc than này"<sup>(27)</sup>.

"Sự phê bình đã bứt bỏ những hoa giả che đậy sợi dây xiềng trói buộc loài người đau khổ đó, không phải là muốn cho người mang dây xiềng hiểu một cách rõ ràng mà cốt để cho

con người quẳng nó đi, nhẹ tay bề được hoa thiệt trong trời đất. Sự phê bình tôn giáo giết cả mộng ảo của con người để giúp con người tư tưởng và hành động như người đã đủ trí khôn"<sup>(28)</sup>.

Từ những điều đã trình bày trên đây về tư tưởng của Nguyễn An Ninh trong tác phẩm *Phê bình Phật giáo*, chúng ta vô cùng cảm phục ông, trong một hoàn cảnh hết sức khó khăn, cách mạng bị đàn áp dữ dội, đã dũng cảm tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin một cách công khai. Điểm đáng quý nhất, công lao lớn nhất của ông là với tư duy tổng hợp đã vận dụng sáng tạo các quan điểm mácxít về tôn giáo vào cuộc đấu tranh tư tưởng đương thời nhằm vạch trần âm mưu lợi dụng tôn giáo của thực dân Pháp và tay sai. Các tư tưởng tiến bộ của ông đã đặt cơ sở cho lí luận tôn giáo học mácxít tại Việt Nam./.

26. Phê bình Phật giáo. Sđd. , tr. 391.

27. Phê bình Phật giáo. Sđd. , tr. 392-393.

28. Phê bình Phật giáo. Sđd. , tr. 393.